

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU (sau đây gọi tắt là Chương trình) với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Nhằm quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số đã đề ra tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" và Nghị quyết số 04-NQ/TU; đồng thời phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

- Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo những chuyển biến tích cực cho quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Xác định rõ trách nhiệm, sự vào cuộc tích cực, quyết liệt của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết số 04-NQ/TU.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh để triển khai thực hiện, bảo đảm kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại địa phương.

- Các cấp, các ngành và địa phương căn cứ nội dung Chương trình hành động, tổ chức, triển khai thực hiện với quyết tâm cao nhất để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Xác định các nhiệm vụ và giải pháp để tổ chức thực hiện, trong đó phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và lãnh đạo phụ trách để chỉ đạo trực tiếp, gắn với mốc thời gian hoàn thành từng nội dung công việc.

- Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số phải tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành, chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

- Khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ở cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Đổi mới công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước tiến tới chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường; xây dựng, hình thành hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực đầy đủ đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số của tỉnh. Phổ cập, nâng cao kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Đến năm 2030, thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; tiếp tục phấn đấu thứ hạng của tỉnh Gia Lai nằm trong nhóm khá trong xếp hạng đánh giá chỉ số chuyển đổi số (DTI) hằng năm.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu đến năm 2025:

- Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, đổi mới hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Nâng cao năng lực hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phát triển thành phố Pleiku theo định hướng trở thành đô thị thông minh gắn với việc chuyển đổi số, làm mô hình điểm để đánh giá, nhân rộng ra các địa phương khác của tỉnh.

- Từ năm 2025, chỉ số chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai nằm trong nhóm các tỉnh khá của cả nước; góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân (SIPAS), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index). Phấn đấu kinh tế số có đóng góp quan trọng vào GRDP của tỉnh. Cơ bản đạt các chỉ tiêu về Chính phủ số theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 "Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030" và Nghị quyết số 04-NQ/TU.

2.1.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động:

- Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội:

+ 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương

tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- + 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

- + 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- + Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- + Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- + Bảo đảm 100% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh.

- + Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ) so với hiện nay.

- Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội:

- + 100% cơ quan nhà nước thuộc tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- + Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

- + Cổng dịch vụ công của tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

- Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước:

- + 100% cơ quan nhà nước có cung cấp dịch vụ công, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.

- + 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- + 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- + 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- + Công tác báo cáo về kinh tế - xã hội của cơ quan nhà nước được thực hiện hoàn toàn trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, quốc gia.

+ 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định (*trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

+ Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

+ Các hệ thống thông tin của tỉnh được kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển chính quyền số; bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp... để cung cấp dịch vụ công kịp thời.

+ Tối thiểu 70% các sở, ban, ngành có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) của tỉnh, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

+ Duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% ủy ban nhân dân cấp xã; triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình đến 100% cấp huyện và cấp xã.

- Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội:

+ Mỗi người dân có danh tính số kèm theo mã QR (QRCode), tiến tới có điện thoại thông minh; mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng.

+ Mỗi người dân đều có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

+ Tất cả người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Các trạm y tế, trung tâm y tế, bệnh viện công trên địa bàn tỉnh đều được triển khai hoạt động quản lý trên môi trường số, hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Các cơ sở khám, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám, chữa bệnh.

+ Học sinh, sinh viên học tập đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Các cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số và khuyến khích các mô hình đào tạo mới. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt. Xây dựng học liệu số, sách điện tử.

+ Triển khai hiệu quả các nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc; tạo thuận lợi, hỗ trợ người nông dân có khả năng tham gia truy cập, khai thác, sử dụng phục vụ sản xuất; giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.

+ Người dân ở độ tuổi lao động đều có thể tiếp cận các thông tin về cơ hội việc làm và có khả năng tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến

MOOC (Massive Open Online Course) được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.

+ Các tuyến giao thông đường bộ huyết mạch, có lưu lượng giao thông lớn đều được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Triển khai thu phí điện tử tại tất cả các trạm thu phí trên địa bàn tỉnh; đồng thời, đẩy mạnh triển khai việc sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ theo các hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.

+ Triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ số, quy trình tự động hóa trong quản lý xuất, nhập cảnh, hàng hóa xuất, nhập khẩu từ khâu đầu đến khâu cuối để giảm thiểu thời gian, thủ tục liên quan.

+ Mỗi cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

+ Số hóa các hoạt động quản lý và quảng bá về du lịch. Lĩnh vực di sản văn hóa được ứng dụng công nghệ số trong quản lý, hình thành các bản di sản số để khách du lịch có thể truy cập thuận lợi trên môi trường số. Chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện.

2.1.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.
- Kinh tế số chiếm tối thiểu 20% GRDP của tỉnh.
- Góp phần tăng năng suất lao động hằng năm từ 5 - 10%.
- Phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

2.1.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%.
- Đẩy mạnh triển khai các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh phục vụ thiết thực cho người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030:

Đến năm 2030, tỉnh Gia Lai hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg và Nghị quyết số 04-NQ/TU, bao gồm: Phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số tại tỉnh.

2.2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động:

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hình thành các nền tảng dữ liệu mở phục vụ các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

- Đóng góp của kinh tế số vào GRDP của tỉnh chiếm tỷ lệ tối thiểu 30%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 6 - 8%.

2.2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền; nâng cao nhận thức về chuyển đổi số:

- Tăng cường sự lãnh đạo, điều hành của các cấp chính quyền, sự tích cực tham gia của các đoàn thể chính trị xã hội và các tầng lớp Nhân dân trong hoạt động chuyển đổi số. Kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chuyển đổi số từ cấp tỉnh, huyện tới cấp xã trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp của tỉnh trong phát triển kinh tế số, xã hội số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung của Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg; các chiến lược phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của Chính phủ; Chương trình số 03-CTr/TU, ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tỉnh ủy về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XVI) và các Chiến lược, chương trình của Chính phủ.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tích cực đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh

tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

- Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số bằng các hình thức như: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thanh cơ sở...và tổ chức tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số, chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Mỗi huyện, thị xã, thành phố chủ động lựa chọn một đơn vị cấp xã để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

- Tích cực phối hợp, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

- Định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, từ đó kịp thời tháo gỡ khó khăn trong triển khai, đưa ra các giải pháp phù hợp với thực tiễn để bảo đảm tính hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và tận dụng các nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số:

2.1. Xây dựng, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế chính sách:

- Áp dụng đúng, đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển chuyển đổi số của Trung ương; đề xuất, kiến nghị, bổ sung, sửa đổi các quyết định, cơ chế, chính sách của Chính phủ, Bộ ngành trung ương để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Xây dựng cơ chế, chính sách về chuyển đổi số của tỉnh theo hướng toàn diện, hiệu quả, gắn với khai thác và phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh.

- Cụ thể hóa và triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của pháp luật cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm,

giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số trên địa bàn tỉnh, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, để khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Quan tâm bố trí các nguồn tài chính nhà nước để thực hiện chuyển đổi số; tranh thủ các nguồn lực, sự hỗ trợ của Trung ương; ưu tiên vận động sự đóng góp của doanh nghiệp và người dân trong chuyển đổi số. Khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế và điều kiện về nguồn lực của tỉnh để thực hiện chuyển đổi số sâu rộng, hiệu quả, thiết thực.

- Xây dựng phương án bảo đảm kinh phí ngân sách nhà nước hằng năm cho chuyển đổi số; phát triển chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số tỉnh Gia Lai.

- Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công - tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể; khuyến khích thực hiện các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm về chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2.2 Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin ở từng cơ quan, đơn vị để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số.

- Xây dựng, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số và thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ.

- Lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước về chuyển đổi số cho các ngành, lĩnh vực, địa phương; đội ngũ này tiếp tục đào tạo, tập huấn lại cho cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số trong tỉnh.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số; chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao kỹ năng quản trị công nghệ hướng đến làm chủ các công nghệ mới, cụ thể đối với từng ngành, từng lĩnh vực, địa phương.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công

nghệ thông tin hiện có; xây dựng và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ công nghệ thông tin để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch đưa các nội dung về chuyển đổi số vào đào tạo về kiến thức, kỹ năng số cho các cấp học.

- Tổ chức các khóa học, trao đổi, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho doanh nghiệp, người dân, trước hết là những người chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và đáp ứng được các nhu cầu phát triển của tỉnh.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi, học tập kinh nghiệm; tổ chức các hội thảo, hội nghị về chuyển đổi số với các tỉnh, thành phố trong cả nước và các tổ chức, doanh nghiệp có uy tín, năng lực, kinh nghiệm, đi đầu về chuyển đổi số.

3. Xây dựng Chính quyền số:

3.1. Phát triển hạ tầng số:

- Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền số tại tỉnh theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Triển khai nâng cấp Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính quyền số tại tỉnh theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại và thực hiện kết nối với các nền tảng Chính phủ số theo mô hình do Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

3.2. Phát triển nền tảng, hệ thống:

- Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ, ngành, địa phương và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) và các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

- Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia.

- Triển khai, phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi của tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3.3. Phát triển dữ liệu:

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của tỉnh, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu; thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành trong tỉnh và với các bộ, ngành; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; hầu hết các dữ liệu chủ được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API).

- Xây dựng, phát triển kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng, phát triển nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

3.4. Phát triển ứng dụng, dịch vụ số:

- Tích hợp, hợp nhất Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; liên thông, kết nối với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính quyền số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới; đồng thời, cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ. Phát triển hệ thống thông tin báo cáo theo yêu cầu thực tế của địa phương, đảm bảo không trùng lặp với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ và các hệ thống thông tin báo cáo của các cơ quan Trung ương triển khai.

- Triển khai các hệ thống làm việc từ xa, ưu tiên theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của quốc gia, của tỉnh đã được xây dựng.

- Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị, như: Tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ Chính quyền số. Triển khai đô thị thông minh tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong tỉnh và với các bộ, ngành theo nhu cầu.

- Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới, như: Điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), tính di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số tại tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hóa, thông minh hóa, tối ưu hóa các quy trình xử lý công việc.

3.5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

- Các đơn vị, địa phương tăng cường năng lực, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin. Triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình "04 lớp" theo chiều sâu với việc kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá.

- Xây dựng, phát triển Trung tâm điều hành, giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh (SOC); kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Duy trì, kiện toàn, nâng cao năng lực Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh; tổ chức các hoạt động diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tham gia vào các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động.

- Tham gia vào mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

3.6. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số:

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động hợp tác trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng.

- Lựa chọn, ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain). Ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại.

4. Phát triển Kinh tế số:

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

- Xây dựng và phát triển thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; trong đó, tập trung phát triển mạnh mẽ sàn giao dịch điện tử, khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hộ sản xuất nông nghiệp tham gia, giao dịch, kinh doanh qua các sàn thương mại điện tử.

- Hình thành, phát triển các chuỗi giá trị nông sản, du lịch, tiểu thủ công nghiệp trực tuyến, đảm bảo kết nối cung cầu thông qua khai thác, sử dụng các nền tảng số.

5. Phát triển xã hội số:

- Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp số lớn trong nước và quốc tế để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp, người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

- Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp, nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số.

- Thường xuyên tổ chức đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phổ biến, tuyên truyền các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

6. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số:

6.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Nông nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao và bền vững; chú trọng nông nghiệp thông minh; xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành, như: Về đất đai, quản lý bảo vệ rừng, tưới tiêu, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế... Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng; hỗ trợ chia sẻ các dữ liệu về nông nghiệp qua các nền tảng số; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

- Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch...

6.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:

- Huy động nguồn lực, tập trung phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

6.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế:

- Thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế, phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người. Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; sử dụng thanh toán điện tử, hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; hình thành các bệnh viện thông minh; thử nghiệm triển khai sáng kiến “*Mỗi người dân có một bác sĩ riêng*” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân.

- Xây dựng hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám, chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sĩ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

6.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giao thông, vận tải và logistics:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả việc đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ là một trong ba khâu đột phá mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra; quan tâm phát triển hệ thống giao thông thông minh trong các hệ thống giao thông đô thị.

- Xây dựng, triển khai các hệ thống quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số; thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải và logistics.

6.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Công nghiệp và năng lượng:

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: Xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

- Ưu tiên tập trung chuyển đổi số cho công nghiệp năng lượng tái tạo như: Điện năng lượng mặt trời, điện gió, điện sinh khối hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.

6.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài nguyên và môi trường:

- Triển khai, xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, như: Cơ sở dữ liệu đất đai, biến đổi khí hậu, môi trường kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, xây dựng bản đồ số của tỉnh, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo thiên tai.

- Thúc đẩy chuyển đổi số hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và tích hợp, chia sẻ các dữ liệu nhằm hỗ trợ công tác quản lý, bảo quản, lưu trữ toàn diện thông tin, dữ liệu số về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

6.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Du lịch:

Triển khai, khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số kết hợp công nghệ 3D, 4D để giới thiệu về điểm đến, các tour tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch gắn với nông, lâm nghiệp, cảnh quan thiên nhiên, cộng đồng và bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch.

6.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài chính - ngân hàng:

Triển khai tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại; đẩy mạnh thanh toán điện tử trong các dịch vụ công; ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc, các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng, sáng tạo; đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động, cho vay ngân hàng.

7. Nguồn lực thực hiện chuyển đổi số:

- Huy động tổng thể các nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số; lồng ghép nguồn lực thực hiện từ các chương trình, đề án có liên quan; huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, tài trợ cho thực hiện chuyển đổi số. Nguồn lực nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, kích thích sự tham gia, đóng góp về nguồn lực của các doanh nghiệp, người dân.

- Kinh phí thực hiện chuyển đổi số bao gồm: Ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, xây dựng chính sách, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số, chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án phù hợp với Chương trình Chuyển đổi số quốc gia và nội dung của Chương trình này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

IV. KINH PHÍ

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động sử dụng nguồn kinh phí được

bố trí giao dự toán hàng năm, bố trí tại các đề án, dự án, chương trình đã được phê duyệt, các nguồn kinh phí hợp pháp khác và huy động từ các nguồn xã hội hóa để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai:

Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện chương trình và các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Căn cứ các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 04-NQ/TU và Chương trình này, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện, trong đó:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời căn cứ những chỉ tiêu, nhiệm vụ được điều chỉnh bổ sung tại Chương trình hành động này và các hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan để triển khai điều chỉnh, bổ sung và xây dựng kế hoạch của ngành, đơn vị, địa phương mình để thực hiện (các sở, ngành bám sát các chương trình, dự án, đề án của các bộ, ngành Trung ương về chuyển đổi số để xây dựng kế hoạch chi tiết). **Thời hạn hoàn thành trước ngày 30/6/2022**, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ động triển khai các nhiệm vụ, ứng dụng, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyển đổi số tại đơn vị và địa phương. Căn cứ điều kiện thực tế, đề xuất các đề án, dự án, nhiệm vụ có tính khả thi cao, phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, không trùng lặp với nội dung các đề án, dự án, chương trình đã được phê duyệt, trình các cơ quan chức năng có liên quan thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí nguồn ngân sách để triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ; tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án nền tảng, công nghệ dùng chung của tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Định kỳ hằng năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu,

nhiệm vụ, những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ và đề xuất, kiến nghị, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 20/12 hằng năm).

3. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì tham mưu hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai.
- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động này; tổng hợp tình hình, kịp thời đề xuất giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng kế hoạch để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 04-NQ/TU và Chương trình này phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan đến chuyển đổi số theo các hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh, phấn đấu hằng năm nâng cao xếp hạng đánh giá chuyển đổi số (DTI) của tỉnh.
- Phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh việc thu hút nguồn lực và các nguồn hỗ trợ từ Trung ương để thực hiện thành công Chương trình.
- Tổng hợp và báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30/12 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

4. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Hằng năm, căn cứ tình hình ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện.

5. Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh:

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của Chương trình này.
- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.
- Các doanh nghiệp Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thí điểm truyền thông số, các giải pháp, công nghệ mới, mô hình mới cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

6. Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh:

Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố liên quan tuyên truyền, phổ biến cho các hội thành viên về Chương trình chuyển đổi số; phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho hội thành viên, hội viên về kiến thức cơ bản chuyển đổi số trong hoạt động nghiên cứu khoa học, sản xuất

kinh doanh của hội thành viên; tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi số phù hợp với hoạt động của các hội thành viên.

Trong quá trình thực hiện Chương trình hành động, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các ngành liên quan để giải quyết. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- BCD chuyển đổi số tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PT-TH Gia Lai;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Tiến Đông

PHU LỤC 01:

PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

(Kèm theo Chương trình hành động số /UBND-CTHD ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

BẢNG 1: MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp đơn đốc	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động						
1	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	%	80	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
2	Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
3	Dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
4	Người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
5	Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	%	80	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp đơn đốc	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
6	Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	%	90	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
7	Hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
8	Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ) so với hiện nay	%	20	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
9	Cơ quan nhà nước thuộc tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
10	Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước	%	50	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
11	Cổng dịch vụ công của tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số		Thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
12	Cơ quan nhà nước có cung cấp dịch vụ công, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
13	Công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp đơn đốc	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
14	Hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
15	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
16	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	90	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành	
17	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	80	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	
18	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	60	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các xã, phường, thị trấn	
19	Công tác báo cáo về kinh tế - xã hội của cơ quan nhà nước được thực hiện hoàn toàn trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, quốc gia		Thường xuyên	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
20	Hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định (<i>trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	100	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
21	Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	%	50	Thanh tra tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; địa phương	

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp đơn đốc	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
22	Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến	%	70	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
23	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
24	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số	%	50	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
25	Các hệ thống thông tin của tỉnh được kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển chính quyền số; bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp... để cung cấp dịch vụ công kịp thời	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan	
26	Tối thiểu 70% các sở, ban, ngành có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) của tỉnh, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh	%	70	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
27	Duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% ủy ban nhân dân cấp xã; triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình đến 100% cấp huyện và cấp xã		Thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông		Các Sở, ban, ngành; địa phương	

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp đơn đốc	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế						
1	Kinh tế số chiếm tối thiểu 20% GRDP của tỉnh	%	20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công Thương; Cục Thống kê	Các Sở, ban, ngành; địa phương, doanh nghiệp	
2	Năng suất lao động	Hàng năm tăng từ 5-10 %		Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê	Các Sở, ban, ngành; địa phương, doanh nghiệp	
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số						
1	Tỷ lệ hộ gia đình được bao phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ	%	>80	Sở Thông tin và Truyền thông	Các địa phương	Doanh nghiệp	
2	Tỷ lệ xã được bao phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Các địa phương	Doanh nghiệp	
3	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Các địa phương	Doanh nghiệp	
4	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	%	>50	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Gia Lai	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; địa phương; doanh nghiệp	

BẢNG 2: MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2030	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp đơn đốc	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động						
1	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	90	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
3	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	%	70	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
4	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	%	70	Thanh tra tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; địa phương	
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế						
1	Đóng góp của kinh tế số vào GRDP của tỉnh chiếm tỷ lệ tối thiểu 30%	%	30	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công Thương; Cục Thống kê	Các Sở, ban, ngành; địa phương, doanh nghiệp	
2	Năng suất lao động	Hàng năm tăng tối thiểu 6 - 8%		Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê	Các Sở, ban, ngành; địa phương, doanh nghiệp	

Số TT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2030	Đơn vị chủ trì đơn đốc	Đơn vị phối hợp đơn đốc	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số						
1	Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Các địa phương	Doanh nghiệp	
2	Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	Các địa phương	Doanh nghiệp	
3	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	%	>80	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Gia Lai	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; địa phương; doanh nghiệp	

PHỤ LỤC 02:

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Chương trình hành động số / UBND-CTHĐ ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
A	NHIỆM VỤ CHUNG				
I	Các cơ quan, đơn vị, địa phương hoạt động trên địa bàn tỉnh Gia Lai				
1	Tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch Chuyển đổi số của ngành, địa phương triển khai Chương trình hành động này	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan	Năm 2022	
3	Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở TT&TT, Sở Công Thương, Sở NN&PTNT	2022-2025	
4	Khuyến khích thực hiện các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm về chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	2022-2025	
5	Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số.	Các Sở, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6	Tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tích cực hưởng ứng, tham gia chuyển đổi số tại địa phương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	
7	Mỗi huyện, thị xã, thành phố chủ động lựa chọn một đơn vị cấp xã để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông số, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân (bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân,...)	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp liên quan	2022-2025	
8	Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, ưu tiên các sản phẩm, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin mạng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	
9	Đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án số hoá, chuyển đổi số các quy trình nghiệp vụ của cơ quan nhà nước	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	2022-2025	
10	Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
11	Ứng dụng công nghệ Phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số trên các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025	
II	Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin				
1	Phối hợp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của Chương trình hành động này	Các doanh nghiệp BCVT-CNTT	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương	Hàng năm	
2	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.	Các doanh nghiệp BCVT-CNTT	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương	Hàng năm	
3	Triển khai thí điểm truyền thông số, các giải pháp, công nghệ mới, mô hình mới cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh	Các doanh nghiệp BCVT-CNTT	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương	2022-2025	
4	Phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.	Các doanh nghiệp BCVT-CNTT	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương	2022-2025	
5	Phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn tỉnh.	Các doanh nghiệp BCVT-CNTT	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương	2022-2025	
6	Ưu tiên nguồn lực nghiên cứu, đầu tư phát triển các nền tảng đồng thời tiên phong đi đầu trong việc chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình nhằm xây dựng mô hình mẫu về doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh	Các doanh nghiệp BCVT-CNTT	Các Sở: TT&TT; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ, Công Thương	2022-2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
III	Các cơ quan báo chí địa phương; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; hệ thống thông tin cơ sở				
1	Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chương trình, kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thanh cơ sở...	Các cơ quan báo chí địa phương; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Sở Thông tin và Truyền thông; các đơn vị liên quan.	Thường xuyên	
2	Áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội (Social) phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, lan tỏa về Chuyển đổi số	Các cơ quan báo chí địa phương; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Sở Thông tin và Truyền thông; các đơn vị liên quan.	Thường xuyên	
B	CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ				
I	Sở Thông tin và Truyền thông				
1	Tham mưu hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã	Hàng năm	
2	Củng cố, tăng cường hoạt động của mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở duy trì, phát huy vai trò của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin (ATTT) tỉnh; bồi dưỡng, tập huấn và nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị. Tổ chức, tham gia các đợt diễn tập ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Hướng dẫn các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp phục vụ các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin, đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	
4	Nghiên cứu, tham mưu cho UBND tỉnh các nội dung liên quan đến chuyển đổi số theo các hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	
5	Triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; S ở Nội vụ	Hằng năm	
6	Bồi dưỡng kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cho công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số và thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	
7	Phối hợp các ngành, cơ quan, đơn vị tổ chức các khóa học, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho doanh nghiệp, người dân; trước hết là những người chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và đáp ứng được các nhu cầu phát triển của tỉnh.	Các đơn vị quản lý lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các địa phương	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2022-2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8	Triển khai Kế hoạch chuyển đổi giao thức Internet thế hệ mới IPV4 sang IPv6; chuyển đổi toàn bộ mạng diện rộng và hệ thống thông tin của tỉnh Gia Lai sang sử dụng giao thức Internet thế hệ mới IPv6.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp	2022-2025	
9	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 2.0 và phát triển, nâng cấp (theo yêu cầu, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương và tình hình triển khai thực tế tại địa phương)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
10	Xây dựng công dữ liệu của tỉnh, tích hợp với công dữ liệu quốc gia (data.gov.vn). Tiếp tục duy trì, phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để cùng khai thác, sử dụng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
11	Phối hợp khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp Bưu chính trên địa bàn tỉnh	2022-2025	
12	Tăng cường quán triệt, tuyên truyền thực hiện nghiêm các quy định về Luật An toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước. Xây dựng, củng cố lực lượng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng, sẵn sàng ứng cứu, xử lý khi có sự cố xảy ra. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ khi tham gia hoạt động trên môi trường số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
13	Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo ứng dụng công nghệ số từng bước hình thành hệ thống các doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh góp phần thúc đẩy chuyển đổi số.	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện, xã	2022-2030	
14	Hướng dẫn các cơ quan báo chí, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, các chính sách pháp luật của Nhà nước, tầm quan trọng, ý nghĩa về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan báo chí	Thường xuyên	
15	Triển khai hiệu quả Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh; phát triển mở rộng mô hình xây dựng đô thị thông minh tại các địa phương khác thuộc tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông; các đơn vị, địa phương liên quan.	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	
16	Duy trì, phát triển mạng diện rộng của tỉnh (WAN) trên nền tảng Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng, Nhà nước phục vụ cho chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số và đô thị thông minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
17	Đẩy mạnh phát triển các ứng dụng số để cung cấp các kênh giao tiếp giữa chính quyền các cấp và người dân.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
18	Tích hợp, hợp nhất Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử thành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp ở mức độ 3, mức độ 4	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
19	Duy trì, nâng cấp, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu điện tử (DC), Trung tâm điều hành Đô thị thông minh (IOC) và Trung tâm giám sát an toàn, an ninh không gian mạng (SOC) của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông; các đơn vị, địa phương liên quan.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
20	Ứng dụng công nghệ số để đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về tinh thần, thái độ phục vụ của nhân sự và phân tích, hỗ trợ ra quyết định về việc nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tại Bộ phận Một cửa	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025	
II	Sở Kế hoạch và Đầu tư				
1	Tham mưu cấp có thẩm quyền để cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án, nhiệm vụ của Chương trình hành động này.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	
2	Đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	
3	Triển khai hiệu quả các giải pháp theo Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có giải pháp về nguồn vốn, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	
4	Ứng dụng công nghệ số vào công tác quản lý các dự án đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Địa phương, đơn vị có liên quan	2021-2022	Quyết định 351/QĐ-UBND ngày 22/4/2021; Quyết định

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
					797/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
5	Đánh giá mức độ đóng góp của kinh tế số vào GRDP của tỉnh và tăng năng suất lao động hằng năm.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thống kê tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan.	Hằng năm	
III	Sở Tài chính				
1	Tiếp tục triển khai có hiệu quả các ứng dụng CNTT của ngành tài chính như: Hệ thống Thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS); Tra cứu giao dịch dở dang, Quản lý ngân sách (QLNS 8.0), Trao đổi thông tin (TĐTT), Cấp mã số Quan hệ ngân sách, mã số Đầu tư xây dựng cơ bản, Tổng hợp thông tin tính chỉ số ICT index, Phần mềm báo cáo thống kê, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm nước sạch nông thôn, cơ sở dữ liệu quốc gia về giá tại địa phương, phần mềm quản lý tài sản công tỉnh Gia Lai, phần mềm hệ thống thông tin tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp tỉnh Gia Lai. Triển khai, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành Tài chính.	Sở Tài chính	Cơ quan thuế, kho bạc; các đơn vị sử dụng ngân sách	Hằng năm	
2	Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình hành động thực hiện chuyển đổi số của tỉnh theo đúng quy định của Luật ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành	Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hằng năm	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
IV	Sở Nội vụ				
1	Tham mưu chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị, địa phương	2022-2025	
2	Triển khai nhiệm vụ lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	
3	Phối hợp các cơ quan, đơn vị rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin ở từng cơ quan, đơn vị để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số.	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	2022-2025	
4	Phát triển Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Gia Lai; kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan	2022-2023	
V	Sở Y tế				
1	Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ Y tế thông minh theo Đề án Đô thị thông minh tỉnh Gia Lai, Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Chuyển đổi số trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh, góp phần thực hiện thành công chương trình sức khỏe Việt Nam	Sở Y tế	Các bệnh viện và Trung tâm Y tế cấp huyện	2022-2025	
3	Chuyển đổi số trong bệnh viện, các cơ sở y tế.	Sở Y tế	Các bệnh viện và Trung tâm Y tế cấp huyện	2022-2025	
4	Phát triển các nền tảng số trong ngành Y tế	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; các đơn vị trực thuộc ngành Y tế tỉnh	2022-2025	
5	Phát triển nền tảng tích hợp dữ liệu y tế kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế với các hệ thống y tế chuyên ngành	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; các đơn vị trực thuộc ngành Y tế tỉnh	2022-2025	
VI	Sở Giáo dục và Đào tạo				
1	Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục đến đội ngũ giáo viên và học sinh; nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục qua chương trình tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
2	Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ giáo dục thông minh; xây dựng hạ tầng số cho ngành giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. Đến năm 2025, 100% trường học được kết nối đường truyền băng thông rộng; 100% học sinh, sinh viên các cấp được tiếp cận Internet và kho học liệu trực tuyến; xây dựng, phát triển thư viện số và hệ thống học trực tuyến tại các trường cao đẳng và cơ sở giáo dục phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
3	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban,	2022-2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới.		ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		
4	Triển khai, phát triển hệ thống thông tin quản lý giáo dục bao gồm: cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo của tỉnh kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của các trường và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để quản lý hoạt động giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng, tập huấn qua mạng. Đến năm 2025, 100% trường học, cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị nhà trường, từ quản lý học sinh, sinh viên, giáo viên, cán bộ đến quá trình học tập, thời khóa biểu	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
5	Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh theo các nội dung tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
VII	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
1	Phát triển các cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị, địa phương liên quan	2022 - 2030	
2	Về chuyển đổi số trong các lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị, địa phương liên quan	2022 - 2030	
3	Chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp nhằm đẩy mạnh việc thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị, địa phương liên quan	2022 - 2030	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý nguồn nước các hồ, đập; nghiên cứu xây dựng bộ công cụ (kịch bản, dự báo tác động, phương án và kế hoạch ứng phó) trong trường hợp xảy ra lũ khẩn cấp, lũ lớn, vỡ đập tại hệ thống các hồ chứa thủy lợi vừa và lớn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023 - 2024	
5	Xây dựng Đề án quản lý hạn hán trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030 (Trong đó có nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2023	
6	Triển khai hệ thống thông tin thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Gia Lai và hệ thống quản lý hoạt động quỹ phòng chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2023	
7	Triển khai chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng các mô hình xã/thôn nông thôn mới thông minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
VIII	Sở Giao thông - Vận tải				
1	Xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng dùng chung, cơ sở dữ liệu nghiệp vụ chuyên ngành GTVT bảo đảm sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu, làm cơ sở triển khai chuyển đổi việc quản lý về giao thông vận tải và hạ tầng để phát triển các dịch vụ logistics trên nền tảng số.	Sở Giao thông vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
2	Triển khai các hệ thống quản lý về giao thông vận tải trên nền tảng số; tổ chức, cung cấp, khai thác, chia sẻ dữ liệu số phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Sở Giao thông vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024-2030	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
IX	Sở Tài nguyên và Môi trường				
1	Tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng nghiệp vụ xử lý hồ sơ chuyên ngành tài nguyên môi trường trên môi trường mạng, kết nối liên thông điện tử đối với các TTHC về tài nguyên môi trường, đất đai.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	
2	Tổ chức thực hiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ xây dựng ngành tài nguyên môi trường số. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo chuyên ngành.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	
3	Hoàn thiện các quy định về giải quyết TTHC trên môi trường điện tử lĩnh vực tài nguyên môi trường; cung cấp các dịch vụ thanh toán điện tử rộng rãi tới tất cả các đối tượng sử dụng dịch vụ tài nguyên môi trường trên môi trường điện tử liên thông.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025; định hướng đến năm 2030	
4	Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực CNTT; nâng cao kỹ năng quản lý vận hành, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022-2025; định hướng đến năm 2030	
5	Ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường; giám sát thảm họa thiên tai.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025; định hướng đến năm 2030	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6	Xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường (<i>cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường, cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên môi trường</i> , cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu; cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học;...các cơ sở dữ liệu theo Quyết định số 2178/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025; định hướng đến năm 2030	
7	Hoàn thiện việc tích hợp, kết nối, chia sẻ các hệ thống dữ liệu ngành tài nguyên môi trường phục vụ Chính phủ số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025; định hướng đến năm 2030	
8	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2024	
9	Duy trì vận hành, nâng cấp, bổ sung hạ tầng kỹ thuật các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường		Nhiệm vụ thường xuyên	
10	Thu thập, cập nhật, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. (<i>Nghị định số 73/2017/NĐ-CP; Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 18/09/2019 của UBND tỉnh Gia Lai</i>)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	
11	Phát triển các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025-2030	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
12	Triển khai hệ thống giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021; kết nối, cập nhật số liệu và truyền trực tiếp vào cơ sở dữ liệu của hệ thống giám sát Trung ương và địa phương.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025 định hướng đến 2030	
X	Sở Công Thương				
1	Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	2022 - 2025	
2	Xây dựng Cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp và Hộ kinh doanh cá thể (thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương)	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	2023 - 2025	
3	Xây dựng Đề án Hội chợ, triển lãm trực tuyến	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	2024-2025	
4	Xây dựng Đề án khảo sát, đánh giá mức độ sẵn sàng sản xuất thông minh và thí điểm mô hình nhà máy thông minh trong một số ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	2023-2025	
5	Xây dựng Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất cá thể trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	Năm 2024-2025	
6	Nâng cao năng lực cho đội ngũ thực thi pháp luật về thương mại điện tử thông qua việc thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng thương mại điện tử. Bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2022-2025	
XI	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
1	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; hoàn thiện cơ chế	Sở Văn hóa, Thể thao	Các sở, ban, ngành;	2022 - 2025	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển du lịch	và Du lịch	UBND các huyện, thị xã, thành phố		
2	Ứng dụng công nghệ số trong đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	
3	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên sâu về quản lý du lịch gắn với nội dung ứng dụng công nghệ số, quản lý điểm đến.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các Doanh nghiệp du lịch, khách sạn	2022 - 2025	
4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực Thư viện theo Quyết định 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số ngành Thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2025	
5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý di sản, bảo tàng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2025	
6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2025	
XII	Sở Khoa học và Công nghệ				
1	Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công cuộc chuyển đổi số quốc gia và của tỉnh; ứng dụng các tiến bộ của kỹ thuật công nghệ, chuyển đổi số để áp dụng vào sản xuất và đời sống	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2030	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Tăng cường phổ biến, hướng dẫn các tổ chức tham gia các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trong đó có nội dung ứng dụng chuyển đổi số lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2030	
3	Phát triển các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2030	
4	Triển khai, khai thác hiệu quả các ứng dụng CNTT của ngành để phục vụ công tác chuyên môn: Cổng thông tin khởi nghiệp; hệ thống đánh giá trình độ công nghệ sản xuất; quản lý phương tiện đo; hệ thống truy xuất nguồn gốc; cơ sở dữ liệu tỉnh Gia Lai về Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2030	
5	Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số và ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2030	
XIII	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội				
1	Phát triển chương trình, nội dung đào tạo giáo dục nghề nghiệp; hướng dẫn, triển khai đổi mới và phát triển nội dung, chương trình đào tạo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành có liên quan; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2022 - 2030	
2	Đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý giáo dục nghề nghiệp nhằm đồng bộ với hệ thống thông tin thị trường lao động và cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp, triển khai nền tảng hạ tầng cơ sở dữ liệu lớn phục vụ báo cáo tổng hợp và phân tích nhu cầu giáo dục nghề nghiệp, phân tích chất lượng dạy và học, hỗ trợ công tác tuyển sinh và các nghiệp vụ khác; triển khai nền tảng học	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2022 - 2030	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	liệu số toàn ngành giáo dục nghề nghiệp theo nguyên tắc kết hợp học liệu mở với xây dựng thị trường trao đổi học liệu				
3	Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, phát triển đội ngũ cán bộ chuyên về phát triển các ứng dụng số, học liệu số tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành có liên quan; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2022 - 2030	
4	Duy trì các dịch vụ công trực tuyến, các phần mềm quản lý phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; phát triển, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất, đảm bảo kết nối, khai thác phục vụ xử lý thông tin theo yêu cầu quản lý, quản trị.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã và thành phố. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2022 - 2030	
XIV	Ban Quản lý Khu kinh tế				
1	Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy thông minh, ứng dụng công nghệ trong sản xuất tại tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2030	
2	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý quy hoạch, cơ sở hạ tầng, môi trường các khu công nghiệp.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2030	
XV	Ban Dân tộc				
1	Triển khai các hệ thống thông tin quản lý liên quan đến dân tộc thiểu số; nâng cấp và hoàn thiện nền tảng công nghệ số phục vụ việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc đồng bộ, liên thông với các hệ thống thông tin từ Trung ương đến địa phương	Ban Dân tộc	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2030	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số và cán bộ làm công tác dân tộc	Ban Dân tộc	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022 - 2030	
3	Triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	
XVI	Ngân hàng Nhà nước tỉnh Gia Lai				
1	Triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Gia Lai	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã; các tổ chức tín dụng; các đơn vị liên quan	2022-2030	
2	Triển khai Đề án thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Gia Lai	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức tín dụng và các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025 và các năm tiếp theo	
3	Xây dựng và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phát triển chuyển đổi số số tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Gia Lai	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Gia Lai	Các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2022-2030	
XVII	Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum				
1	Triển khai Chiến lược phát triển hải quan giai đoạn 2021 – 2030 theo chỉ đạo và hướng dẫn của Tổng cục Hải quan; xây dựng, triển khai Kế hoạch cải cách phát triển và hiện đại hóa hải quan phù hợp với Kiến trúc tổng thể hướng tới Hải quan số	Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum	Các đơn vị trực thuộc	2022-2030	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Triển khai Chương trình chuyển đổi số trong quản lý Nhà nước về Hải quan; thường xuyên rà soát, cập nhật kiến trúc tổng thể hướng tới Hải quan số	Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum	Các đơn vị trực thuộc	2022-2030	
XVIII	Cục Thuế tỉnh Gia Lai				
1	Triển khai nền tảng dữ liệu chuyên ngành về thuế để cung cấp đầy đủ thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành các cấp; triển khai nền tảng kết nối trao đổi thông tin liên thông trong việc giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các nền tảng thu thập và phân tích dữ liệu lớn để hỗ trợ công tác quản lý thuế và hoạch định chính sách	Cục Thuế tỉnh Gia Lai	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị liên quan	2022-2030	
2	Triển khai các ứng dụng cốt lõi (ứng dụng Dịch vụ Thuế điện tử, ứng dụng Quản lý thuế tích hợp, các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực thuế tích hợp với dịch vụ công quốc gia)	Cục Thuế tỉnh Gia Lai	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị liên quan	2022-2030	
XIX	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố				
1	Xác định định hướng phát triển của huyện, thị xã, thành phố và các dịch vụ số trọng yếu để chuyển đổi số trong các lĩnh vực	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành	2022-2030	
2	Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp, các hộ dân quảng bá sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử có uy tín trong và ngoài nước	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2030	
3	Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2030	

Số TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Xây dựng, phát triển đô thị thông minh; cung cấp, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh thiết yếu phục vụ người dân, nâng cao hiệu quả công tác quản lý của các cấp chính quyền.	UBND thành phố Pleiku; thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa; huyện Chư Sê	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp xã	2022-2030	
5	Triển khai, phát triển các hệ thống camera giám sát giao thông, trật tự an toàn xã hội	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh; Sở Giao thông vận tải; Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	2022-2025	